

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2022

**THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ**  
(Chủng loại mặt hàng: Hóa chất, vật tư xét nghiệm)

Bệnh viện Ung Bướu có nhu cầu mua sắm các mặt hàng như trong Phụ lục đính kèm.  
Kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp báo giá theo mẫu báo giá đính kèm.

Đề nghị các đơn vị cung cấp gửi file excel và bản scan báo giá có đóng dấu theo mẫu đến địa chỉ email: [phongvttb.bvub@gmail.com](mailto:phongvttb.bvub@gmail.com)

Hồ sơ báo giá gửi trực tiếp về địa chỉ: Phòng Vật tư, trang thiết bị y tế, Bệnh viện Ung Bướu – Số 03, Nơ Trang Long, phường 7, quận Bình Thạnh, TP.HCM, bao gồm:

- Bảng chào giá.
- Quyết định trúng thầu hoặc Thông báo trúng thầu, Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế theo hình thức đấu thầu rộng rãi (Nếu có).

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày đăng thông báo trên website của Bệnh viện Ung Bướu đến 16 giờ 00 phút ngày 08.../...6.../2022. ~

Trân trọng./.

**GIÁM ĐỐC**



BS. Phạm Xuân Dũng



**DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ**

(Chung loại: Hóa chất, vật tư xét nghiệm)

Đính kèm theo thông báo mời báo giá ngày tháng năm 2022)

STT	Tên hàng hoá	Phân nhóm (Thông tư 14/2020)	Phân loại trang thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
<b>Hóa chất, vật tư dùng cho Máy miễn dịch DxI800</b>						
1	Định lượng CEA	1	C	- Phạm vi báo cáo: 0,1–1.000 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí “sandwich” - Thành phần: R1a: Pha rắn: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng CEA MAb ở chuột, được huyền phù trong dung dịch đệm TRIS, albumin huyết thanh bò (BSA), có < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Chất pha loãng: Dung dịch đệm photphat, protein (chuột, bò) với < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Liên hợp: Kháng thể kháng CEA MAb ở chuột được liên kết với photphataza kiềm (bò), được pha loãng trong dung dịch đệm photphat, protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.	Hộp	100
2	Định lượng Free T3	3	B	- Phạm vi phân tích: 0,88–30 pg/mL [1,4–46 pmol/L] - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% NaN <sub>3</sub> và 0,1% ProClin 300. R1b: Dung dịch đệm MES và 0,1% ProClin 300. R1c: Analog T3 gắn biotin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% NaN <sub>3</sub> và 0,1% ProClin 300. R1d: Dung dịch đệm TRIS chứa protein động vật (dê, bò, chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% NaN <sub>3</sub> và 0,5% ProClin 300. R1e: Chất cộng hợp kháng thể đơn dòng-photphataza kiềm trong dung dịch đệm ACES có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% NaN <sub>3</sub> và 0,1% ProClin 300.	Hộp	100
3	Chất chuẩn Free T3	1	B	- Thành phần: S0: Dung dịch đệm HEPES, protein (bò), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% NaN <sub>3</sub> và 0,5% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: Dung dịch đệm HEPES, protein (bò), chất hoạt tính bề mặt, T3, < 0,1% NaN <sub>3</sub> và 0,5% ProClin 300	Hộp	8
4	Định lượng Free T4	3	B	- Phạm vi phân tích: 0,25–6 ng/dL [3,2–77,2 pmol/L] - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, 0,125% NaN <sub>3</sub> và 0,125% ProClin 300. R1b: Dung dịch muối đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% NaN <sub>3</sub> và 0,1% ProClin 300. R1c: Dung dịch muối đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, 0,125% NaN <sub>3</sub> và 0,125% ProClin 300. R1d: Chất cộng hợp triiodothyronine-photphataza kiềm (bò) trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% NaN <sub>3</sub> và 0,1% ProClin 300. R1e: Kháng thể kháng Thyroxine (T4) đơn dòng ở chuột được liên kết với biotin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim và chuột), chất hoạt tính bề mặt, 0,125% NaN <sub>3</sub> và 0,125% ProClin 300.	Hộp	800



STT	Tên hàng hoá	Phân nhóm (Thông tư 14/2020)	Phân loại trang thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
5	Chất chuẩn Free T4	1	B	- Thành phần: S0: Huyết thanh người với < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. Chứa 0 ng/dL (0 pmol/L) thyroxine. S1, S2, S3, S4, S5: Thyroxine tự do trong huyết thanh người ở nồng độ xấp xỉ 0,5, 1, 2, 3 và 6 ng/dL (xấp xỉ 6,4, 12,9, 25,7, 38,6 và 77,2 pmol/L), có < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	30
6	Phát hiện HBs Ag	1	D	- Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzyme một bước ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin và liên kết với các kháng thể đặc hiệu HBs Ag đơn dòng (chuột) được gắn biotin trong dung dịch đệm TRIS có albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300 R1b: Dung dịch đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, protein (chuột, bò), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300 R1c: Kháng thể đặc hiệu HBs Ag đơn dòng (chuột) liên hợp với photphataza kiềm (tái tổ hợp) trong dung dịch đệm phosphate có chất hoạt tính bề mặt, BSA, < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300	Hộp	100
7	Chất chuẩn HBs Ag	1	D	- Thành phần: C0: Chất hiệu chuẩn âm tính: Chất nền BSA đệm, < 0,1% NaN3, 0,25% ProClin 300 C1: Chất hiệu chuẩn dương tính: Chất nền BSA đệm, kháng nguyên HBs, < 0,1% NaN3, 0,25% ProClin 300	Hộp	5
8	Chất kiểm tra xét nghiệm HBs Ag	1	D	- Thành phần QC1: Huyết tương người được khử xơ, HBs Ag âm tính, < 0,1% NaN3, 0,25% ProClin 300 QC2: Huyết tương người được khử xơ, HBs Ag dương tính, < 0,1% NaN3, 0,25% ProClin 300	Hộp	8
9	Định tính HCV Ab	1	D	- Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzyme gián tiếp - Thành phần: R1a: Hạt thuận từ được bọc protein tái tổ hợp (NS3/NS4) và peptide (capsid) lơ lửng trong dung dịch đệm TRIS, với natri azit (<0,1%) R1b: Chất phụ gia mẫu: với natri azit (0,1%) R1c: Chất phụ gia cộng hợp: với chất hoạt động bề mặt, natri azit (0,1%) R1d: Chất cộng hợp: Chất cộng hợp alkaline phosphatase IgG kháng người ở dê trong dung dịch đệm TRIS, với chất hoạt động bề mặt, natri azit và ProClin 300 (< 0,1%)	Hộp	70
10	Chất chuẩn HCV Ab	1	D	- Thành phần: C0: Chất hiệu chuẩn âm tính: huyết thanh người âm tính (không phản ứng) dành cho kháng thể kháng HCV, với sodium azit <0.1% C1: Chất hiệu chuẩn dương tính: huyết huyết thanh người dương tính (phản ứng) dành cho kháng thể kháng HCV, với sodium azit <0.1%	Hộp	10
11	Chất kiểm tra xét nghiệm HCV Ab V3	1	D	- Thành phần: QC1: QC âm tính: Huyết thanh người có natri azit < 0,1%. Âm tính (không phản ứng) đối với kháng thể kháng HCV QC2: QC dương tính : Huyết thanh người có natri azit < 0,1%. Dương tính (phản ứng) đối với kháng thể kháng HCV, không hoạt động.	Hộp	8



STT	Tên hàng hoá	Phân nhóm (Thông tư 14/2020)	Phân loại trang thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
12	Định tính HIV (Ag/Ab)	1	D	- Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzyme hai bước liên tiếp - Thành phần: R1a: Các Hạt thuận từ: được bọc protein tái tổ hợp của HIV-1 (gp 160), polypeptide HIV-1-O (gp 41) và HIV-2 (gp 36) và kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên p24 HIV-1, được phân tán trong nước muối sinh lý đệm TRIS, với natri azit 0,1% và ProClin 300 (0,25%). R1b: Chất phụ gia cộng hợp: Nước muối sinh lý đệm TRIS với natri azit 0,1% và ProClin 300 (0,25%). R1c: Chất phụ gia hạt: Nước muối sinh lý đệm TRIS có kháng thể đơn dòng gắn biotin kháng p24 HIV-1, với natri azit 0,1% và ProClin 300 (0,25%) R1d: Chất cộng hợp: Các polypeptide HIV-1, HIV-1-O, HIV-2 và streptavidin cộng hợp với alkaline phosphatase, với natri azit 0,1% và ProClin 300 (0,25%).	Hộp	150
13	Chất chuẩn HIV Combo	1	D	- Thành phần: C0: Chất Hiệu Chuẩn Âm Tính: Huyết thanh người (không phản ứng) dành cho kháng nguyên HIV-1 và kháng thể HIV-1/HIV-1-O/ HIV-2 với natri azit 0,1% và ProClin 300 0,25% C1: Chất Hiệu Chuẩn Dương Tính: Huyết thanh người (phản ứng) dành cho kháng thể kháng HIV-1 với natri azit 0,1% và ProClin 300 0,25%	Hộp	5
14	Định lượng CA 125	1	C	- Phạm vi phân tích: 0,5 U/mL - 5.000 U/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzyme hai vị trí ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng biotin ở dê, gắn biotin kháng nguyên kháng CA 125, kháng thể đơn dòng ở chuột, albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiểm-kháng nguyên kháng CA 125 đơn dòng ở chuột (bò), albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.	Hộp	100
15	Chất chuẩn CA 125	1	C	- Thành phần: S0: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: Kháng nguyên CA 125 ở các nồng độ xấp xỉ 25, 100, 500, 2.000 và 5.000 U/mL, trong BSA đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	10
16	Cơ chất phát quang	1	A	- Thành phần: Dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt	Hộp	80
17	Định lượng Thyroglobulin	1	B	- Phạm vi phân tích: 0,1–500 ng/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzyme một bước đồng thời ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin, được huyền phù trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiểm-kháng thể kháng thyroglobulin đơn dòng ở chuột (bò) trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò, chuột), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Các kháng thể kháng thyroglobulin đơn dòng ở chuột được liên kết với biotin trong dung dịch đệm HEPES có protein (bò và chuột), < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	100



STT	Tên hàng hoá	Phân nhóm (Thông tư 14/2020)	Phân loại trang thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
18	Định lượng Thyroglobulin Ab	1	B	- Phạm vi phân tích: 0,9–2.500 IU/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước tiên tiếp (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin và được liên kết với thyroglobulin có gắn biotin ở người, được huyền phù trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1b: Liên hợp photphataza kiềm - thyroglobulin ở người (bò) trong dung dịch đệm TRIS có protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1c: Dung dịch đệm TRIS có < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1d: Dung dịch đệm TRIS có chứa “blocking polymer”, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300	Hộp	80
19	Chất chuẩn Total $\beta$ hCG (5th IS)	1	B	- Thành phần: S0: Chất nền đệm albumin huyết thanh bò (BSA) có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,5% ProClin 300. Chứa 0 mIU/mL (IU/L) hCG. S1,S2,S3,S4,S5: hCG ở nồng độ xấp xỉ 6, 35, 195, 620 và 1.350 mIU/mL (IU/L) trong chất nền đệm BSA có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	6
20	Định lượng TPO Ab	1	B	- Phạm vi phân tích: 0,25–1.000 IU/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tục (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin và được liên kết với TPO tái tổ hợp có gắn biotin ở người, được huyền phù trong dung dịch đệm ACES có protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1b: Liên hiệp photphataza kiềm-Protein A tái tổ hợp (bò) trong dung dịch đệm protein (bò) R1c: Dung dịch đệm protein (bò), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300	Hộp	50
21	Định lượng TSH (3rd IS)	3	B	- Phạm vi phân tích: 0,005–50 $\mu$ IU/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng TSH ở người đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1b: Dung dịch muối đệm TRIS có chất hoạt tính bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300 R1c: Liên hợp photphataza kiềm kháng TSH trên người đơn dòng ở chuột trong dung dịch muối đệm ACES, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300 R1d: Liên hợp photphataza kiềm kháng TSH trên người đơn dòng ở chuột trong dung dịch muối đệm ACES, có chất hoạt tính bề mặt, chất nền BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300	Hộp	600
22	Chất chuẩn TSH (3rd IS)	3	B	- Thành phần: S0: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,5% ProClin 300. Chứa 0 $\mu$ IU/mL (mIU/L) hTSH S1,S2,S3,S4,S5: Xấp xỉ 0,05, 0,3, 3, 15 và 50 $\mu$ IU/mL (mIU/L) hTSH, trong chất nền đệm BSA có chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300	Hộp	30
23	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1	1	C	Chất kiểm chứng dạng lỏng được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người	Hộp	5



STT	Tên hàng hoá	Phân nhóm (Thông tư 14/2020)	Phân loại trang thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
24	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2	1	C	Chất kiểm chứng dạng lỏng được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người	Hộp	5
25	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3	1	C	Chất kiểm chứng dạng lỏng được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người	Hộp	5
26	Giếng phản ứng cho dòng máy DxI	3	A	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL	Túi	300
27	Dung dịch rửa dòng máy DxI	4	A	- Thành phần: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, < natri azit 0,1% và < 0,05% khối lượng phản ứng của: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-một và 2-methyl-4-isothiazolin-3-một (3:1)	Hộp	200
28	Định lượng total PSA	3	C	- Phạm vi phân tích: 0,008–150 ng/mL (hiệu chuẩn Hybritech) hoặc 0,008–121 ng/mL (hiệu chuẩn WHO) - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng PSA đơn dòng ở chuột được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiềm kháng PSA đơn dòng ở chuột (bò) được pha loãng trong dung dịch muối đệm photphat, có chất hoạt tính bề mặt, BSA, protein (chuột), < 0,1% natri azit và 0,25% ProClin 300.	Hộp	10
29	Chất chuẩn Hybritech PSA	1	C	- Thành phần: S0: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: PSA trong huyết thanh ở mức xấp xỉ 0,5, 2, 10, 75 và 150 ng/mL đối với hiệu chuẩn của Hybritech (hoặc 0,4, 1,7, 8, 58 và 121 ng/mL đối với hiệu chuẩn của WHO) trong BSA đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	4
30	Định lượng CA 15-3	1	C	- Phạm vi phân tích: 0,5–1.000 U/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí (“sandwich”) - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể kháng biotin ở dê, gắn biotin kháng nguyên kháng CA 15-3, kháng thể đơn dòng ở chuột, albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiềm-kháng nguyên kháng CA 15-3 đơn dòng ở chuột (bò), albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azit, 0,25% ProClin 300. R1c: Dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột), < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300.	Hộp	100
31	Chất chuẩn CA 15-3	1	C	- Thành phần: S0: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. S1,S2,S3,S4,S5: Kháng nguyên CA 15-3 ở các nồng độ xấp xỉ 10, 50, 100, 500 và 1.000 U/mL trong BSA đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	8



STT	Tên hàng hoá	Phân nhóm (Thông tư 14/2020)	Phân loại trang thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
32	Định lượng CA 19-9	1	C	- Phạm vi phân tích: 0,8–2.000 U/mL - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai vị trí ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ, phủ kháng thể kháng biotin đa dòng ở dê, albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Liên hợp photphataza kiềm-kháng nguyên kháng CA 19-9 đơn dòng ở chuột (bò), albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Liên hợp biotin-kháng nguyên kháng CA 19-9 đơn dòng ở chuột, albumin huyết thanh bò, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1d: Dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột), < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300.	Hộp	30
33	Chất chuẩn CA 19-9	1	C	- Thành phần: S0: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. S1, S2, S3, S4, S5: Kháng nguyên CA 19-9 ở các nồng độ xấp xỉ 30, 90, 300, 900 và 2.000 U/mL, trong BSA đệm, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	6
34	Hóa chất nội kiểm miễn dịch cao cấp 3 mức IA PREMIUM PLUS 1,2 AND 3	3	B	Dạng đông khô tăng độ ổn định, 100% Huyết thanh người, chứa 54 thông số. Bao gồm cả $\beta$ -2 - Microglobulin, CA15-3, CA19-9, CA125, Growth Hormone (GH), Oestradiol, Paracetamol, 1-25-(OH)2 - Vitamin D*... Ổn định đến hạn tại 2- 8°C. Mức Ferritin và Vitamin B12 phù hợp để theo dõi bệnh thiếu máu. Nồng độ TSH rất thấp ở mức 1. Ổn định sau hoàn nguyên trong 7 ngày ở 2-8°C hoặc 28 ngày tại -20°C.	Hộp	6
35	Định lượng hFSH	1	B	- Phạm vi phân tích: 0,2–200 mIU/mL (IU/L) - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym hai bước liên tiếp ("sandwich") - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ kháng thể của dê kháng IgG của chuột: các phức hợp kháng thể đơn dòng của chuột kháng hFSH được huyền phù trong dung dịch muối đệm TRIS có albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1b: Chất cộng hợp kháng thể kháng hFSH ở dê – photphataza kiềm (bò) trong dung dịch muối đệm TRIS có protein (bò, chuột, dê), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,1% ProClin 300. R1c: Dung dịch muối đệm TRIS với protein (bò, chuột, dê), chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300.	Hộp	15
36	Chất chuẩn hFSH	1	B	- Thành phần: S0: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,5% ProClin 300. Có chứa 0 mIU/mL (IU/L) hFSH. S1, S2, S3, S4, S5: hFSH lần lượt ở nồng độ xấp xỉ 1, 10, 50, 100 và 200 mIU/mL (IU/L) trong chất nền đệm BSA có chất hoạt động bề mặt, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	4



STT	Tên hàng hoá	Phân nhóm (Thông tư 14/2020)	Phân loại trang thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
37	Phát hiện HBc Ab	1	D	- Phương pháp xét nghiệm: Nguyên lý bắt giữ miễn dịch - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ phủ protein A, được huyền phù trong TRIS với chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300. R1b: Dung dịch đệm rửa đặc biệt chứa chất hoạt tính bề mặt, kali thiocyanate, < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300. R1c: Dung dịch xử lý mẫu xét nghiệm chứa chất hoạt tính bề mặt, kali thiocyanate, < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300. R1d: Chất liên hợp/phosphatase kiềm kháng nguyên HBc tái tổ hợp (E. coli) trong PBS có chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% natri azit, 0,1% ProClin 300.	Hộp	180
38	Chất chuẩn HBc Ab	1	D	- Thành phần: C0: Chất hiệu chuẩn âm tính: huyết thanh người âm tính với kháng thể kháng HBc, < 0,1% natri azit, 0,5% ProClin 300. C1: Chất hiệu chuẩn dương tính: huyết tương và huyết thanh người đã loại bỏ cơ thể huyết, dương tính với kháng thể kháng HBc, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	8
39	Chất kiểm tra xét nghiệm HBc Ab	1	D	- Thành phần: QC 1: Huyết thanh người âm tính (không phản ứng) với kháng thể kháng HBc, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300. QC 2: Huyết tương và huyết thanh người đã loại bỏ cơ thể huyết, dương tính (phản ứng) với kháng thể kháng HBc, < 0,1% natri azit và 0,5% ProClin 300.	Hộp	12
40	Ống lấy mẫu 2.0 mL	3	A		Túi	4
41	Ống lấy mẫu 0.5 mL	3	A		Túi	2
<b>Hóa chất, vật tư dùng cho Máy nước tiểu Lan Ureader Plus 2</b>						
1	Hộp que thử xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu 10 thông số	3	B	Dải đo: 1. Urobilinogen (norm, 2, 4, 8, ≥12 mg/dL). 2. Ascorbic acid (neg, 20, ≥ 40 mg/dL) 3. Glucose (normal, 25, 50, 150, 500, ≥ 1000 mg/dL) 4. Protein (neg, 15, 30, 100,	Hộp	80
<b>Hóa chất, vật tư dùng cho Máy Sinh hóa AU480</b>						
1	Định lượng Protein	1	B	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urinary/CSF Protein ; dải đo: 0.01-2.0 g/L ; phương pháp: Pyrogallol Red Molybdate. Thành phần: R1: Pyrogallol Red 47 μmol/L; Natri Molybdate 320 μmol/L; Axit succinic 50 mmol/L ; Chất hiệu chuẩn: Albumin huyết thanh người 0,5 g/L;	Hộp	3
2	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa trong mẫu dịch não tủy	1	B	Chất kiểm chứng được sản xuất từ một vật liệu kiểm soát ổn định chất lỏng được điều chế từ huyết thanh người, dùng cho các xét nghiệm sinh hóa trong mẫu dịch não tủy. Mức độ chất phân tích được điều chỉnh với các hóa chất tinh khiết khác nhau. Chất bảo quản và chất ổn định được thêm vào để duy trì tính toàn vẹn của sản phẩm.	Hộp	2
3	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu	1	B	Chất kiểm chứng dạng lỏng được sản xuất từ vật liệu có nguồn gốc từ con người dùng cho các xét nghiệm nước tiểu. Sản xuất từ chất nền là nước tiểu người có thêm amylase nước tiểu của người, hCG có nguồn gốc từ nước tiểu người, albumin của người và bò, chất bảo quản và chất ổn định	Hộp	2
<b>Hóa chất, vật tư dùng cho Máy Đông máu ACL Top 550 CTS</b>						
1	Hóa chất dung dịch dùng để xúc rửa trên hệ thống phân tích đông máu tự động	1	A	Hóa chất dung dịch dùng để xúc rửa trên hệ thống phân tích đông máu tự động. Thành phần 2-Methyl-4-isothiazolin-3-one hydrochloride (Methylisothiazolinone hydrochloride)< 0.005 %. Dạng Lỏng.	Hộp	120
<b>Hóa chất, vật tư dùng cho Máy huyết học DxH800</b>						



STT	Tên hàng hoá	Phân nhóm (Thông tư 14/2020)	Phân loại trang thiết bị y tế	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	6	A	Hóa chất để sử dụng như một chất làm sạch cho các bộ phận của máy phân tích tế bào tự động khi tiếp xúc với máu. - Thành phần: Dung dịch chứa enzym phân giải protein	Hộp	70
2	Hóa chất dùng để chuẩn bị mẫu (ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu) cho xét nghiệm huyết học	1	B	Hóa chất để thực hiện phân tích năm thành phần bạch cầu trong một mẫu máu, sử dụng công nghệ VCSn. Thành phần gồm hai loại hóa chất: - Hóa chất Erythrolyse gồm: yếu tố làm ấm 0.3-1.5g/L, Formic Acid 1.2 mL/L - Hóa chất StaliLyse gồm: Sodium Carbonate 6 g/L, Natri clorua 14,5 g/L, Natri sunfat 31,3 g/L	Hộp	70
3	Chất kiểm chứng mức bình thường dùng cho các XN trên máy phân tích đông máu	1	C	Chất kiểm chứng mức bình thường dùng cho các XN trên máy phân tích đông máu	Hộp	10

Phòng Vật tư, trang thiết bị y tế  
TRƯỞNG PHÒNG

BS. Hồ Thái Tính



Tên nhà thầu:  
Địa chỉ:  
Số điện thoại:  
Email:

## BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Ung Bướu

Theo thông báo của Quý bệnh viện, Công ty chúng tôi xin gửi báo giá như sau:

STT	Tên hàng hoá (Tên theo thông báo mời báo giá)	Tên hàng hoá (Tên thương mại)	Phân nhóm (Thông tư 14/2020)	Phân loại trang thiết bị y tế	Chung loại (Model)/ Mã hàng hoá	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Số lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu	Năm sản xuất	Hãng/ Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền	Mã kê khai (Nghị định 98/2021)
1																
2																
3																
4																
5																
...																
...																
<b>TỔNG CỘNG</b>																

Đơn vị tính: VND

Ghi chú: Báo giá này có hiệu lực từ ngày ... .. đến ngày ... ..

Ngày ... tháng ... năm ...  
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU  
(Chỉ rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)